TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 31 - 7 - 2026.
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Thanh Nhàn và ông Nguyễn Xuân Cương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Minh Anh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế tham gia phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2026/TLST-HNGĐ ngày 18/3/2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần D, sinh năm 1993; căn cước công dân số 046093015971, cấp ngày 11/8/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: Thôn Đ, xã P, thành phố Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Hà Thị Trâm A, sinh năm 1994; căn cước công dân số 046194007029, cấp ngày 03/6/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: C đường số B Khu đô thị A, phường A, thành phố Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2026 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là anh Trần D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần D và chị Hà Thị Trâm A tìm hiểu nhau được 01 năm, sau đó tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương từ năm 2019, đến ngày 22 tháng 02 năm 2021, anh và chị A mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã P, thành phố Huế). Sau khi kết hôn, vợ chồng tiếp tục chung sống hạnh phúc được 3 năm, đến năm 2025 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã và không tìm được tiếng nói chung. Anh D và chị Trâm A đã ly thân nhau từ năm 2025 cho đến nay, không ai quan tâm đến nhau, thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, nên anh D yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà Thị Trâm A.

- Về con chung: Anh D và chị Trâm A có 01 con chung là Trần Văn Minh K, sinh ngày 06/9/2019.

Anh D yêu cầu Tòa án giao con chung là Trần Văn Minh K cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh D không yêu cầu chị Trâm A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh D trình bày vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Hà Thị Trâm A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để anh D và chị Trâm A có cơ hội hàn gắn quan hệ hôn nhân, nhưng chị Trâm A đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được, do đó Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Theo kết quả xác minh tại tổ dân phố X, phường A, thành phố Huế: Anh Trần D và chị Hà Thị Trâm A chung sống tại nhà số C đường số B khu A, phường A, thành phố Huế (nhà ba mẹ chị Trâm A) từ năm 2019 đến đầu năm 2025. Trong quá trình chung sống thì giữa anh D và chị A có mâu thuẫn hay không thì tổ dân phố không nắm rõ, tuy nhiên anh D và chị Trâm A đã sống ly thân từ năm 2025 cho đến nay, hiện anh D không còn sinh sống tại địa chỉ nhà số C đường số B khu A, phường A, thành phố Huế nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Theo bà Lê Thị Ngọc D1 là mẹ của chị Hà Thị Trâm A cho biết giữa anh D và chị Trâm A trong quá trình chung sống có mâu thuẫn như thế nào thì bà không biết, nhưng anh D và chị Trâm A đã sống ly thân nhau, vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa; con chung của anh chị hiện nay đang sống cùng với anh D và theo bà nên tiếp tục giao con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng thì tốt hơn vì chị Trâm A hiện nay sức khỏe không tốt. Bà đã giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Trâm A.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đảm bảo, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của đương sự:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết

vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần D được ly hôn với chị Hà Thị Trâm A.

Về con chung: Đề nghị Tòa án giao con chung là Trần Văn Minh K, sinh ngày 06/9/2019 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị Trâm A không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Trần D có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa anh và chị Hà Thị Trâm A có địa chỉ cư trú tại phường A, thành phố Huế. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế.

Tại phiên toà, nguyên đơn là anh Trần D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, còn bị đơn là chị Hà Thị Trâm A mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần D và chị Hà Thị Trâm A tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã P, thành phố Huế) vào ngày 22/02/2021, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, anh Trần D vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị Hà Thị Trâm A. Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn, vợ chồng anh D, chị Trâm A chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên anh chị hay cãi vã nhau, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2025 đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau. Chị Trâm A được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt, thể hiện sự không mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân. Qua quá trình xác minh tại địa phương và gia đình cho thấy thực tế vợ chồng có mâu thuẫn và đời sống chung không còn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh D và chị Trâm A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh D được ly hôn với chị Trâm A .

[2.2]. Về con chung: Anh D và chị Trâm A có 01 con chung là Trần Văn Minh K, sinh ngày 06/9/2019. Hiện nay cháu K đang chung sống cùng với anh D.

Nhằm đảm bảo tính ổn định và sự phát triển bình thường của cháu K và phù hợp với yêu cầu của anh D được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh D không yêu cầu chị

Trâm A cấp dưỡng nuôi con. Chị Hà Thị Trâm A đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến gì phản đối về việc anh D yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó yêu cầu của anh D là phù hợp nên cần chấp nhận.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường của con khi cha mẹ ly hôn, nhưng anh D cho rằng hiện nay có công việc và thu nhập ổn định nên không yêu cầu chị Trâm A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Việc anh D không yêu cầu chị Trâm A phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nghĩa vụ về tài sản: Anh D xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không có ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần D được ly hôn với chị Hà Thị Trâm A.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Văn Minh K, sinh ngày 06/9/2019 cho anh Trần D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị Hà Thị Trâm A không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Anh Trần D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Buộc anh Trần D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh D đã nộp theo

biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000812 ngày 18/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Trần D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Lộc *(ĐKKH số 16 ngày 22/02/2021 tại UBND xã Lộc Trì cũ);*
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Hạnh